

Phiên giao dịch ngày:

8/9/2026

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,830.44	281.11
% Thay đổi Index	↑ 0.48%	↑ 0.18%
KLGD (CP)	559,481,540	46,572,515
GTGD (tỷ đồng)	14,184.93	638.75
% Thay đổi GTGD	-17.30%	-31.97%

Diễn biến thị trường

VNINDEX		1830.44
Chỉ số VNINDEX		+8.80 / +0.48%
HNXINDEX		281.11
Chỉ số HNXINDEX		+0.51 / +0.18%
UPINDEX		127.65
Chỉ số UPINDEX		+0.01 / +0.01%
VN30		1968.52
Chỉ số VN30		+5.51 / +0.28%

Top Giao dịch NĐTNN HOSE (Tỷ đồng)

VCB -86.73 tỷ	DXG -54.94 tỷ	STB -32.50 tỷ	POW -23.9...
VPB -77.37 tỷ	PVD -44.55 tỷ	VHM -30.30 tỷ	LPB 19.03 tỷ
FPT 64.59 tỷ	VIB 42.21 tỷ	HCM 29.56 tỷ	OCB -17.84 tỷ
	VRE -39.69 tỷ	E1VFN30 -26.63 tỷ	GAS 17.63 tỷ
	VNM -36.91 tỷ	HPG 26.17 tỷ	NVL -17.39 tỷ
		NLG -24.63 tỷ	KDH -16.41 tỷ

GT Bán: -2194.30

1795.00 : GT Mua

Biến động nhóm ngành

Tài chính		0.78%
Công nghệ Thông tin	-0.25%	
Tiện ích Cộng đồng		0.92%
Công nghiệp	-0.41%	
Hàng Tiêu dùng		0.14%
Nguyên vật liệu		0.85%
Dầu khí		2.28%
Dược phẩm và Y tế	-0.26%	
Ngân hàng		0.00%
Dịch vụ Tiêu dùng		0.79%

Phân Tích Kỹ Thuật VN-INDEX



DIỄN BIẾN CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

Sau phiên chịu áp lực điều chỉnh mạnh khi VNINDEX hướng đến vùng kháng cự quanh 1.880 điểm. Thị trường có phiên phục hồi với thanh khoản suy giảm khá mạnh. VNINDEX trong phiên tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh về quanh 1.815 điểm với thanh khoản thấp, áp lực cung không lớn ở nhiều nhóm mã. Sau đó thị trường phục hồi với diễn biến tích cực từ nhóm năng lượng. Kết phiên VNINDEX tăng 8,80 điểm (+0,44%) lên mức 1.830,44 điểm, trên hỗ trợ tâm lý 1.800 điểm. VN30 tăng nhẹ 5,51 điểm (+0,28%) lên mức 1.968,52 điểm, trên hỗ trợ vùng giá trung bình 200 phiên tương ứng 1.960 điểm.

Độ rộng trên HOSE khá cân bằng sau phiên chịu áp lực điều chỉnh khá mạnh với 147 mã tăng giá. Phục hồi tốt ở nhóm năng lượng, phân bón với thanh khoản cải thiện ở khá nhiều mã, nổi bật ở các mã vận tải dầu khí khi giá dầu Brent quay trở lại mức 100 USD/thùng khi căng thẳng Trung Đông vẫn tiếp diễn bên cạnh nhu cầu nhập khẩu của Trung Quốc gia tăng trở lại. Các cổ phiếu cao su, bán lẻ, thép .. cũng phục hồi khá tốt sau điều chỉnh. Tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh ở nhóm cảng biển, công nghệ, viễn thông, thủy sản, điện, bất động sản vốn hóa trung bình, nhỏ... với 157 mã tăng giá và 61 mã giữ giá tham chiếu. Thanh khoản thị trường giảm, khối lượng giao dịch khớp lệnh giảm -19,7% so với phiên trước. Cho thấy mức độ phục hồi kém ở nhiều mã. Trong khi khá tích cực ở nhóm mã năng lượng. Khối ngoại tiếp tục bán ròng với giá trị -399,3 tỷ đồng trên HOSE trong phiên hôm nay.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn 411G9000 kết phiên ở mức 1.961,0 điểm, giảm -0,15% so với phiên trước. Chênh lệch chuyển âm -7,52 điểm so với VN30. Các kỳ hạn 411A000, 411GC000, 411H3000 chênh lệch âm mở rộng từ -8,52 điểm đến -10,52 điểm. Tổng khối lượng hợp đồng giao dịch giảm -12,4% so với phiên trước. Các trader giảm các vị thế đầu cơ, nghiêng về VN30 chịu áp lực điều chỉnh. Ưu tiên phòng ngừa rủi ro cho thị trường cơ sở khi VN30 gặp kháng cự mạnh quanh 2.000 điểm. Xu hướng ngắn hạn 411G9000 tích lũy, vùng hỗ trợ 1.950 điểm, kháng cự 2.000 điểm. Khối lượng mở OI kỳ hạn 411G9000 là 28.642, giảm các vị thế nắm giữ.

Xu hướng ngắn hạn VNINDEX tích lũy trên vùng hỗ trợ gần nhất quanh 1.820 điểm, vùng kháng cự mạnh 1.880 điểm - 1.900 điểm tương ứng vùng đỉnh tháng 6/2026. Trong khi VN30 chịu áp lực bán ở vùng kháng cự rất mạnh 2.000 điểm - 2.025 điểm, tương ứng vùng đỉnh tháng 7/2026. Hiện tại chưa có dự báo VN30 có thể vượt được kháng cự mạnh 2000-2025.

Chỉ số VNINDEX tiếp tục chịu ảnh hưởng chi phối của các cổ phiếu vốn hóa lớn và đang biến động trong biên độ 1.800 điểm - 1.900 điểm. Ngắn hạn VNINDEX đang chịu áp lực điều chỉnh về vùng 1.800 điểm - 1.820 điểm và đang cân bằng trở lại. Hiện tại ngoài nhóm Bất động sản, Ngân hàng, Năng lượng vẫn đang duy trì xu hướng tăng trưởng. Các nhóm ngành còn lại xu hướng giá trung dài hạn vẫn trong quá trình điều chỉnh, tích lũy kéo dài, không có nhiều cơ hội đầu tư vượt trội. Nhà đầu tư nên cân bằng danh mục và xem xét gia tăng khi thanh khoản, dòng tiền ngắn hạn cải thiện tốt trở lại.

Nhà đầu tư duy trì tỉ trọng hợp lý. Mục tiêu đầu tư hướng tới các mã có nền tảng cơ bản tốt, đầu ngành trong các ngành chiến lược, tăng trưởng vượt trội của nền kinh tế.

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

Mã CK	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng hỗ trợ tăng trưởng (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Giao dịch (GD)	FA Rank	TA Rank
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận			
PVD	18.65	18.5	21-23	17.5	15.6	23.7%	-32.2%	Theo dõi GD	55	41
DPM	22.85	21.5	26-27	20.0	8.8	31.8%	124.9%	Theo dõi GD	71	44
GAS	84.40	82.0	88-90	79.0	16.0	43.8%	23.4%	Theo dõi GD	78	65
PVP	19.00	18.0	20-21	17.0	6.1	29.7%	199.8%	Theo dõi GD	83	77
PHR	62.00	60.5	70-72	59.0	9.0	10.4%	300.3%	Theo dõi GD	87	51
DRI	14.70	13.8	16.5-17.5	13.0	4.8	113.6%	212.3%	Theo dõi GD	92	75
TCB	31.95	32.5	39-40	31.0	8.3	44.0%	17.7%	Theo dõi GD	82	43
BVH	63.00	63.0	72-74	60.0	14.1	0.4%	55.4%	Theo dõi GD	75	34

BẢNG ĐỊNH LƯỢNG TƯƠNG QUAN CÁC NHÓM NGÀNH

Xu Hướng \ Thông Số	Bất Động Sản	Cảng- Vận tải	Cao Su TN	Chứng Khoán	Công Nghệ- Viễn Thông	Dầu Khí	Dệt May-Da Giày	Khu Công Nghiệp
Trung dài hạn	Tang Truong	Điều Chỉnh	Tích Luy	Suy Giảm	Suy Giảm	Tang Truong	Suy Giảm	Suy Giảm
Ngắn trung hạn	Tang Truong	Tích Luy	Tích Luy	Tích Luy	Tích Luy	Tang Truong	Tích Luy	Tích Luy
Dòng tiền trung hạn	Money_in	Duong_Tang	Am_Tang	Tích Luy	Tích Luy	Duong_Tang	Am_Tang	Am_Tang
Hệ số VIX (normal - 200 > +200)	-230.5	-26.0	-180.6	-13.6	-86.2	-465.4	134.2	-80.6
Tương quan- VNINDEX	Tốt hơn-Mạnh hơn	Tốt hơn-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Tốt hơn-Mạnh hơn	Tốt hơn-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn
Cổ phiếu TOP	VIC	PHP	TRC	HCM	VGI	PVP	TET	PHR
	VPI	DVP	DRI	TVS	FPT	TLP	PTG	GVR
Xu Hướng \ Thông Số	Bảo Hiểm	Bán Lẻ	Thép	Thủy Sản	Xây Dựng- VLXD	Ngân Hàng	Phân Bón- Hóa Chất	Hàng Không
Trung dài hạn	Tang Truong	Suy Giảm	Suy Giảm	Suy Giảm	Suy Giảm	Tang Truong	Suy Giảm	Suy Giảm
Ngắn trung hạn	Tích Luy	Tích Luy	Tích Luy	Tích Luy	Tích Luy	Tích Luy	Tích Luy	Tích Luy
Dòng tiền trung hạn	Am_Tang	Tích Luy	Am_Tang	Tích Luy	Am_Tang	Am_Giam	Tích Luy	Tích Luy
Hệ số VIX (normal - 200 > +200)	165.1	-24.3	16.5	260.9	173.2	-66.0	-224.0	65.9
Tương quan- VNINDEX	Yếu hơn-Kém hơn	Không đổi-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Không đổi-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Không đổi-Kém hơn	Không đổi-Kém hơn
Cổ phiếu TOP	PRE	MCH	TVN	SEA	DHA	SSB	DHB	SAS
	PGI	PET	POM	ANV	NTP	ABB	DPM	AST
Xu Hướng \ Thông Số	Điện	Nông Nghiệp	Dược	VNIndex	VN30	HNXIndex	UPCOM	% Ngành tăng
Trung dài hạn	Suy Giảm	Suy Giảm	Suy Giảm	Tang Truong	Tang Truong	Tích Luy	Tang Truong	30
Ngắn trung hạn	Tích Luy	Điều Chỉnh	Tích Luy	Tích Luy	Tích Luy	Suy Giảm	Tang Truong	13
Dòng tiền trung hạn	Tích Luy	Am_Tang	Am_Tang	Am_Tang	Am_Tang	Am_Giam	Tích Luy	9
Hệ số VIX (normal - 200 > +200)	241.2	72.6	219.0	-260.2	-277.7	180.7	-227.2	26
Tương quan- VNINDEX	Tốt hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	64	Tốt hơn-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	Không đổi-Kém hơn	
Cổ phiếu TOP	TDB	SBT	DDN					
	TTA	NAF	DBM					

TIN NỔI BẬT

Thu ngân sách xuất nhập khẩu 8 tháng đầu năm đạt gần 353 ngàn tỷ

Thu ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu trong 8 tháng đầu năm 2026 tăng 17% so với cùng kỳ, chủ yếu nhờ quy mô kim ngạch hàng hóa chịu thuế mở rộng và các biện pháp siết chặt quản lý, thu hồi nợ thuế của cơ quan Hải quan.

Trong 8 tháng năm 2026, tổng số thu ngân sách nhà nước từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 352.766 tỷ đồng, tăng 17% (tương ứng tăng 52.308 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2025. Kết quả này giúp hoàn thành 78% dự toán 451.000 tỷ đồng và 68% chỉ tiêu phần đầu 516.500 tỷ đồng. Động lực trực tiếp đến từ tổng kim ngạch xuất nhập khẩu chịu thuế đạt 128,12 tỷ USD, tăng 22%. Trong đó, kim ngạch nhập khẩu chịu thuế đạt 122,82 tỷ USD (tăng 23%), còn xuất khẩu chịu thuế đạt 5,30 tỷ USD (tăng 17%). Dù lũy kế 8 tháng tăng trưởng, diễn biến thu tháng 8 lại sụt giảm do biến động từng nhóm hàng. Cụ thể, thu ngân sách tháng 8 đạt 39.820 tỷ đồng, giảm 12% (tương đương giảm 5.657 tỷ đồng) so với tháng trước do kim ngạch xuất nhập khẩu chịu thuế giảm 9%.

Mexico áp thuế chống bán phá giá với thép HRC của Hòa Phát, Formosa

Theo quyết định được đăng trên Công báo Liên bang Mexico (DOF) ngày 3/9, mức thuế được áp dụng riêng cho từng doanh nghiệp và nhóm nhà sản xuất, xuất khẩu. Hòa Phát Dung Quất thuộc Tập đoàn Hòa Phát (HOSE: HPG) chịu mức 285,5 USD/tấn, tương đương mức áp dụng đối với các nhà xuất khẩu Việt Nam khác. Trong khi đó, Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh chịu mức 271,9 USD/tấn.

Vụ việc bắt nguồn từ đơn đề nghị của Ternium México, S.A. de C.V. ngày 19/11/2024, yêu cầu Bộ Kinh tế Mexico điều tra hành vi bán phá giá đối với HRC nhập khẩu từ Trung Quốc và Việt Nam. Đến ngày 3/3/2025, Mexico chính thức khởi xướng điều tra. Giai đoạn điều tra kéo dài từ ngày 1/9/2023 đến 31/8/2024, trong khi giai đoạn phân tích thiệt hại được tính từ ngày 1/9/2021 đến 31/8/2024.

Trung Quốc bơm 53 tỷ USD vào các ngân hàng và công ty bảo hiểm

Trung Quốc đang bơm 360 tỷ Nhân dân tệ (53 tỷ USD) vào các ngân hàng và công ty bảo hiểm lớn nhất trong nỗ lực hỗ trợ lĩnh vực tài chính, vốn đang chịu sức ép từ biên lợi nhuận suy giảm, đồng thời tạo thêm bộ đệm vốn để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Tám tổ chức, bao gồm các ngân hàng thương mại quốc doanh như ICBC và Agricultural Bank of China, cùng các công ty bảo hiểm China Life và China Reinsurance, sẽ nhận tổng cộng 300 tỷ Nhân dân tệ từ Bộ Tài chính và 60 tỷ Nhân dân tệ từ các doanh nghiệp thuộc lá quốc doanh. Chỉ tiêu tiêu dùng yếu và thị trường bất động sản giảm tốc kéo dài 5 năm đang gây áp lực lên biên lợi nhuận của các ngân hàng, trong khi lãi suất thấp ảnh hưởng đến triển vọng đầu tư dài hạn của các công ty bảo hiểm.

Đến cuối tháng 7/2026, tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn TPHCM và TP. Đồng Nai đạt 6,32 triệu tỷ đồng, chiếm 31,2% tổng dư nợ tín dụng cả nước và tăng 9% so với cuối năm trước (tỷ lệ này của cả nước là 8,98%).

Tín dụng trên địa bàn TPHCM và TP. Đồng Nai tăng 9%

Ông Nguyễn Đức Lệnh - Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước (NHNN) chi nhánh Khu vực 2 đánh giá tăng trưởng kinh tế và thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ tăng trưởng, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp tục là yếu tố chính tác động đến hoạt động và tăng trưởng tín dụng trong 7 tháng đầu năm trên địa bàn khu vực 2. Tín dụng tiếp tục hỗ trợ và đáp ứng nhu cầu vốn cho các lĩnh vực là động lực tăng trưởng kinh tế. Trong đó, tín dụng tiêu dùng tăng 7,1%; tín dụng xuất nhập khẩu tăng trưởng tích cực. Hoạt động tín dụng trên địa bàn TPHCM và TP. Đồng Nai tiếp tục tập trung vốn cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh, thương mại và dịch vụ. Trong đó, dư nợ cho vay công nghiệp chế biến chế tạo đạt 898,9 nghìn tỷ đồng, tăng 10,7% so với cuối năm 2025...

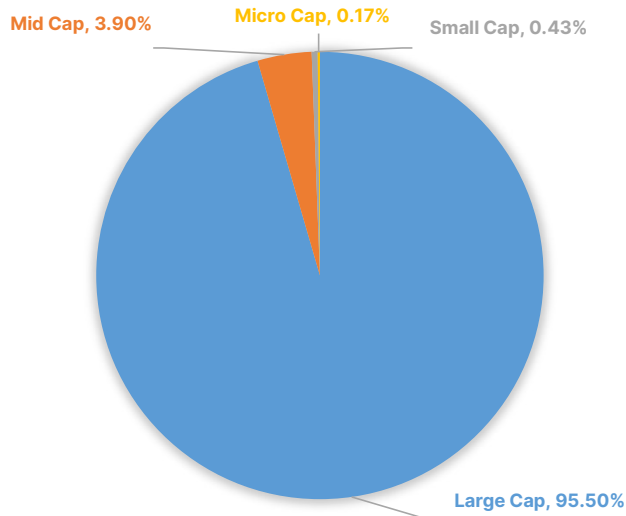
Giá dầu tăng lên mức cao nhất trong 6 tuần trong ngày 07/09, sau khi Mỹ và Iran liên tiếp tiến hành các cuộc tấn công cuối tuần, làm căng thẳng tại Trung Đông leo thang.

Giá dầu lên đỉnh 6 tuần

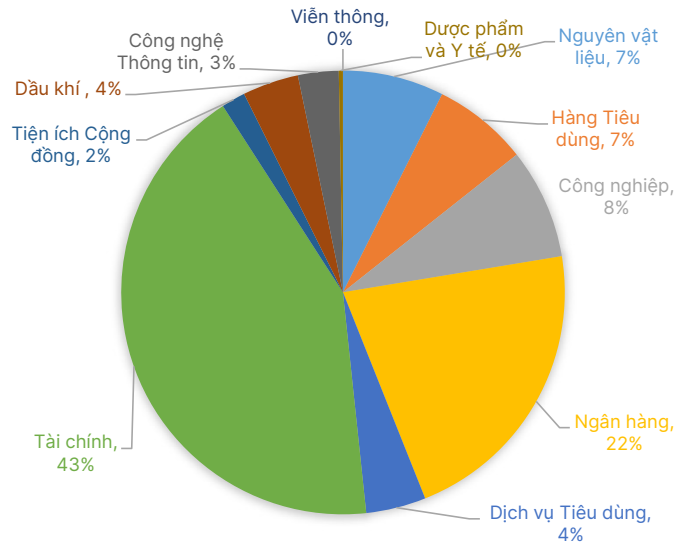
Kết phiên, hợp đồng dầu Brent, giá tham chiếu của thị trường dầu quốc tế, tăng 1,5% lên 97,73 USD/thùng trong phiên thứ Hai và có lúc chạm 97,93 USD/thùng, mức cao nhất kể từ ngày 23/07. Dầu WTI, giá tham chiếu của thị trường Mỹ, tăng 1,8% lên 93,10 USD/thùng. Thị trường dầu vốn đã trong trạng thái căng thẳng do xung đột leo thang vào cuối tuần. Quân đội Mỹ ngày 05/09 đã tấn công 3 tàu chở dầu của Iran, sau khi Iran phóng tên lửa đạn đạo nhằm vào 2 tàu chiến của Hải quân Mỹ, theo Bộ Tư lệnh Trung tâm Mỹ. Các cuộc tấn công diễn ra khoảng một tuần sau khi giao tranh giữa Mỹ và Iran nổi lại, sau gần một tháng xung đột tương đối yên ắng. Cuộc xung đột này đã kéo dài quá 6 tháng vào tháng 8.

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH HOSE

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm ngành



Top vốn hóa

Mã	Vốn Hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	1,937,442	13.9%	2,753	90.7	11.3
VHM	604,611	32.6%	9,730	7.6	2.3
VCB	485,465	17.9%	4,984	11.7	2.0
BID	281,572	17.7%	4,250	8.5	1.5
CTG	238,834	21.8%	5,172	5.9	1.2

Top KLGD lớn nhất

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VAB	154,200	13.7%	1,562	5.8	0.8
VIX	40,291,200	16.5%	2,156	6.4	1.1
SBT	1,033,900	7.3%	915	24.9	1.7
SSB	2,110,600	7.3%	870	20.7	1.5
SHB	26,743,200	17.3%	2,565	4.6	0.7

Top 5 cổ phiếu tăng giá

Mã	+/- %	ROE	EPS	P/E	P/B
HII	↑ 7.0%	24.0%	3,190	3.0	0.6
HID	↑ 7.0%	-2.4%	(241)	(15.9)	0.4
STG	↑ 6.9%	13.4%	3,557	8.4	1.1
APH	↑ 6.9%	9.4%	1,017	6.3	0.6
PVT	↑ 6.8%	16.1%	2,761	7.7	1.2

Top 5 cổ phiếu giảm giá

Mã	+/- %	ROE	EPS	P/E	P/B
DTT	↓ -6.8%	13.0%	2,242	7.0	0.9
CRV	↓ -6.6%	1.1%	122	191.2	2.1
SPM	↓ -6.4%	-0.4%	(223)	(39.4)	0.2
VNG	↓ -6.3%	5.5%	626	9.1	0.5
L10	↓ -6.1%	21.6%	6,709	3.2	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VIB	2,821,932	15.7%	2,180	6.9	1.1
HPG	1,201,650	17.4%	2,750	7.9	1.3
HCM	1,111,631	9.8%	1,288	20.6	2.1
PVT	978,315	16.1%	2,761	7.7	1.2
FPT	894,427	26.5%	5,863	12.3	3.1

Top KLGD NĐT nước ngoài bán ròng

Mã	KL bán	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	(4,818,216)	1.4%	157	73.4	1.0
VPB	(2,833,647)	16.6%	3,758	7.3	1.2
PVD	(2,405,452)	6.5%	1,199	15.6	1.0
SHB	(1,927,880)	17.3%	2,565	4.6	0.7
POW	(1,867,277)	16.2%	2,049	6.2	0.9

Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó Giám Đốc Trung tâm Phân Tích
Ngô Thế Hiến
Hien.nth@shs.com.vn

Trưởng BP Chiến lược Thị trường
Phan Tấn Nhật
Nhat.pt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Trung Tâm Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội
Số 43 Lý Thường Kiệt, Phường
Cửa Nam, Tp. Hà Nội
Tel: (84-24)-3818 1888
Fax: (84-24)-3818 1688.
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh
Tầng 6, Cao ốc văn phòng HDTC,
số 36 Bùi Thị Xuân, P. Bến Thành,
TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng
Tầng 2, Tòa nhà SHB Đà Nẵng, số
06 Nguyễn Văn Linh, Phường Hải
Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779
Email: contact-dn@shs.com.vn

Chi nhánh Hà Nội
Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội,
số 41 Ngô Quyền, Phường Cửa
Nam, Tp. Hà Nội
Tel: (84-24)-3818 1888
Fax: (84-24)-3818 1688.
Email: contact-hcm@shs.com.vn